



OCEAN SECURITIES

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG
OCS JOINT STOCK COMPANY

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012



Hà Nội, tháng 04 năm 2013

MỤC LỤC

I. Thông tin chung	3
1. Thông tin khái quát.....	3
2. Quá trình hình thành và phát triển	3
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	4
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	4
5. Định hướng phát triển.....	5
6. Các rủi ro	5
II. Tình hình hoạt động trong năm	7
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	7
2. Tổ chức và nhân sự.....	8
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	10
4. Tình hình tài chính.....	10
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	12
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.....	13
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	13
2. Tình hình tài chính.....	13
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	13
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	14
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.....	15
1. <i>Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....</i>	15
2. <i>Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.....</i>	16
3. <i>Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị</i>	17
V. Quản trị công ty	17
1. <i>Hội đồng quản trị.....</i>	17
2. <i>Ban Kiểm soát.....</i>	19
3. <i>Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát</i>	19
VI. Báo cáo tài chính.....	20
1. Ý kiến kiểm toán:.....	20
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.....	22

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: OCS Joint Stock Company
- Giấy CNĐKKD số: Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 48/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006.
- Vốn điều lệ: 300.000.000.000 (Ba trăm tỷ) đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Địa chỉ: Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza (Tòa nhà OceanGroup) Lô O17 - Khu Đô thị mới Trung Yên, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

- Số điện thoại: (84.4) 3772 6699
- Số fax: (84.4) 3772 6763
- Website: www.ocs.com.vn

2. Quá trình hình thành và phát triển

Là một thành viên của Tập đoàn Đại Dương, Công ty cổ phần Chứng khoán Đại Dương (OCS) chính thức được thành lập và hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0103015027 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 22 tháng 12 năm 2006 và Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 48/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/12/2006, với Vốn điều lệ ban đầu là 50.000.000.000 VNĐ (năm mươi tỷ đồng). Kể từ đó đến nay, Công ty cổ phần Chứng khoán Đại Dương đã liên tục phát triển và trải qua nhiều mốc sự kiện quan trọng:

- Ngày 07/02/2007: Trở thành thành viên thứ 40 của Sở GDCK Hà Nội.
- Ngày 17/07/2007: Trở thành thành viên thứ 56 của Sở GDCK TP.Hồ Chí Minh.
- Ngày 16/03/2009: Vốn điều lệ của OCS tăng từ 50.000.000.000 VNĐ lên 150.000.000.000 VNĐ theo Giấy phép số 209/UBCK-GP của UBCKNN.
- Ngày 25/03/2009: Chuyển trụ sở chính từ số 18 Ngô Quyền, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội về số 04 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội.
- Ngày 21/07/2009: Được chấp thuận là thành viên giao dịch trực tuyến tại Sở GDCK TP.Hồ Chí Minh theo Quyết định số 73/QĐ-SGDHCM.
- Ngày 06/01/2010: Chi nhánh Sài Gòn chính thức đi vào hoạt động tại địa điểm số 185-187 Nguyễn Thái Học, phường Phạm Ngũ Lão, quận I, TP.Hồ Chí Minh theo Quyết định số 07/QĐ-UBCK của UBCKNN.
- Ngày 21/01/2010: Vốn điều lệ của OCS tiếp tục tăng từ 150.000.000.000 VNĐ lên 300.000.000.000 VNĐ và bổ sung nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán theo Giấy phép số 296/UBCK-GP của UBCKNN.

- Ngày 07/04/2010: Được chấp thuận tham gia giao dịch trực tuyến tại Sở GDCK Hà Nội theo Quyết định số 209/QĐ-SGDHN.
- Ngày 26/04/2010: Được Sở GDCK Hà Nội công nhận là thành viên giao dịch trái phiếu Chính phủ chuyên biệt theo Quyết định số 234/QĐ-SGDHN.
- Ngày 06/08/2010: Trở thành công ty chứng khoán thứ 13 được UBCKNN chấp thuận đăng ký cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến theo Quyết định số 640/QĐ-UBCK.
- Ngày 24/11/2010: Được chấp thuận tham gia giao dịch trực tuyến thị trường đăng ký giao dịch (UPCOM) tại Sở GDCK Hà Nội theo Quyết định số 859/QĐ-SGDHN.

OCS hướng mục tiêu trở thành công ty chứng khoán đa năng, lấy các hoạt động dịch vụ làm nền tảng với phương châm luôn hướng tới khách hàng, phấn đấu trở thành công ty chứng khoán được xếp hạng trong số những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam và có tên tuổi trên thị trường chứng khoán khu vực. Với chiến lược cạnh tranh dựa trên những giá trị cốt lõi và luôn tạo ra sự khác biệt, OCS đảm bảo luôn thỏa mãn và làm hài lòng những yêu cầu ngày càng cao của khách hàng, của các cổ đông.

3. *Nghành nghề và địa bàn kinh doanh*

❖ OCS được thực hiện các loại hình kinh doanh sau đây:

1. Môi giới chứng khoán
2. Tự doanh chứng khoán
3. Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán
4. Bảo lãnh phát hành chứng khoán
5. Lưu ký chứng khoán

❖ Địa bàn kinh doanh: Công ty tập trung phát triển các nghiệp vụ kinh doanh chủ yếu tại Hội sở ở Hà Nội và Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh.

Hội sở: Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza (Tòa nhà OceanGroup)
Lô O17 - Khu Đô thị mới Trung Yên, phường Trung Hòa,
quận Cầu Giấy, Hà Nội.

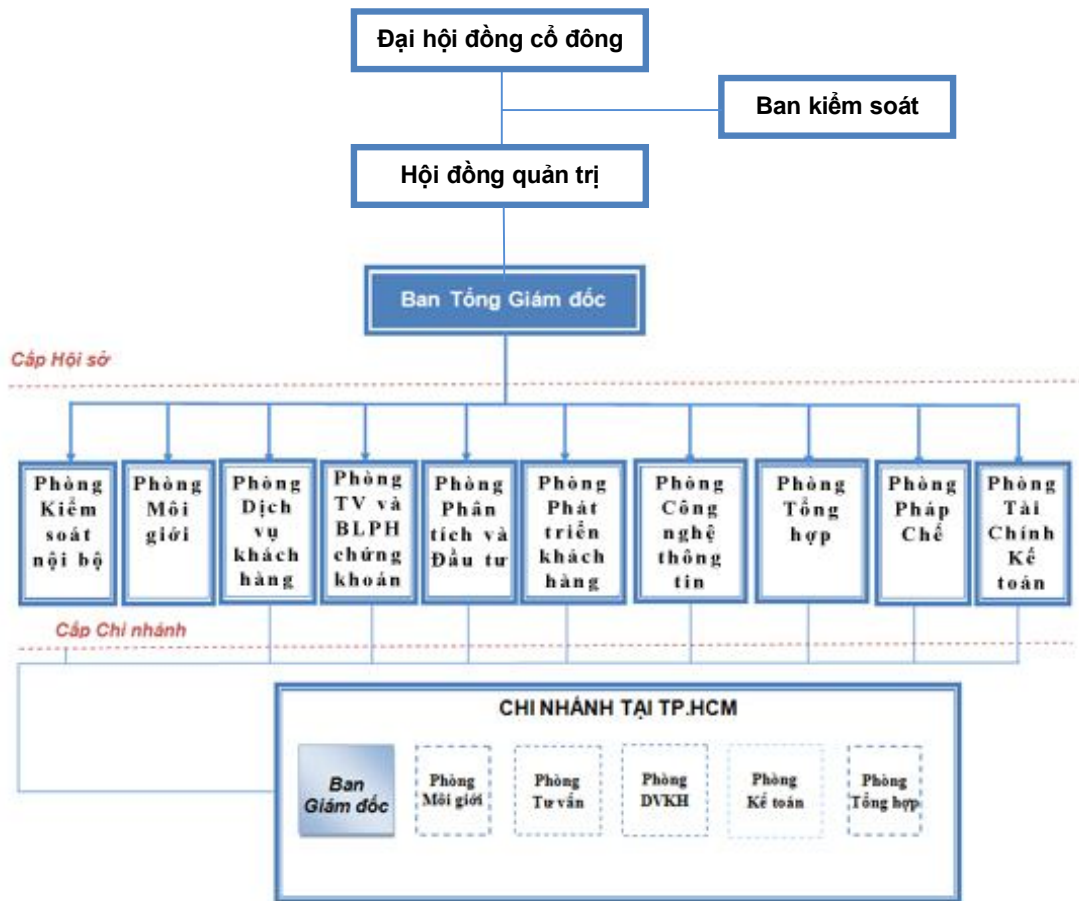
Chi nhánh Sài Gòn: Tầng M, toà nhà Central Park, số 117 Nguyễn Du – Bến
Thành – Quận 1 – Thành phố Hồ Chí Minh.

4. *Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý*

❖ **Mô hình quản trị**

Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội Đồng cổ đông; Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị; Ban Điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc.

❖ **Cơ cấu bộ máy quản lý**



❖ Các công ty con, công ty liên kết: Không có

5. Định hướng phát triển

❖ Mục tiêu phát triển của Công ty

Phần đầu trở thành một trong hai mươi công ty chứng khoán hàng đầu của Việt Nam, từng bước hướng ra thị trường tài chính khu vực châu Á Thái Bình Dương. OCS là một công ty định hướng theo khách hàng, do nhân viên làm chủ. OCS mong muốn cung cấp cho các khách hàng những dịch vụ có chất lượng tốt nhất, tạo ra giá trị thặng dư cho các đối tác liên quan và có những đóng góp tích cực được cộng đồng tôn trọng.

❖ Các mục tiêu đối với xã hội và cộng đồng của Công ty:

Xây dựng hình ảnh Công ty văn minh, lịch sự. Môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện hòa đồng. Tham gia các chương trình ủng hộ từ thiện, giao dục, các chương trình thể thao, ca nhạc....

6. Các rủi ro

Với thống kê trong hơn 100 công ty chứng khoán trên thị trường, riêng năm 2012 có tới hơn 50% các công ty chứng khoán bị thua lỗ, nếu tính lỗ lũy kế thì con số lên trên 70%, 11 công ty chứng khoán vào diện kiểm soát đặc biệt và 3 công ty vào diện kiểm soát; đáng chú ý, có 4 công ty chứng khoán đã rời bỏ thị trường, điều này cho thấy hoạt động kinh doanh chứng khoán đang phải đối đầu với rất nhiều thách thức và rủi ro.

Trên cơ sở đánh giá một cách toàn diện và xây dựng cơ sở cho định hướng hoạt động của Công ty, OCS nhận thấy những rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty như sau:

❖ **Rủi ro hoạt động**

Rủi ro hoạt động có thể xảy ra trong mọi nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán như môi giới, tư vấn - phân tích, đầu tư ... gây tổn thất về uy tín và tài sản của Công ty. Rủi ro này xuất phát từ các nhân tố như: như đội ngũ nhân viên, hệ thống công nghệ của công ty, các tác động khách quan khác. Trong đó có một số trường hợp như nhân viên gian lận, môi giới giả mạo chữ ký khách hàng hay của công ty để rút tiền, đặt nhầm lệnh, tự doanh dùng tiền của công ty mua chứng khoán bên ngoài và bán lại cho công ty để hưởng chênh lệch....

Việc kiểm soát rủi ro hoạt động luôn được Công ty chú trọng và ưu tiên hàng đầu. Công ty đã xây dựng, ngày càng hoàn thiện hệ thống quy trình nghiệp vụ toàn công ty theo hướng ISO hóa, kết hợp với hệ thống máy móc và công nghệ phần mềm hiện đại từng bước nâng cấp nhằm đáp ứng tốt nhất, tiện lợi nhất cho khách hàng khi giao dịch tại Công ty và đề cao hoạt động kiểm soát rủi ro ở tất cả các cấp. Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên đào tạo, nâng cao nghiệp vụ và đạo đức cho các cán bộ công nhân viên Công ty.

❖ **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi Công ty có khả năng không thu được nợ hoặc khách hàng không thực hiện nghĩa vụ hợp đồng dẫn đến các tổn thất về tài chính cho Công ty. Rủi ro này nảy sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ ký quỹ (margin) cho khách hàng, nhiều công ty đã phải chấp nhận khoản lỗ lớn vì nắm giữ một lượng lớn cổ phiếu thị giá thấp hơn giá gốc khi khách hàng chối bỏ trách nhiệm nộp thêm tiền vào tài khoản. Giao dịch ký quỹ là một công cụ tốt để cạnh tranh và hỗ trợ cho cuộc chạy đua giành thị phần nhưng cần quản trị rủi ro này tốt để đảm bảo tránh được khoản lỗ lớn. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu của Công ty đều có tài sản đảm bảo.

❖ **Rủi ro thanh toán**

Là việc Công ty bị thiếu hụt số dư tiền hay chứng khoán trên tài khoản để thanh toán cho các giao dịch trong ngày. Rủi ro này xảy ra cho phép khách hàng sử dụng đòn bẩy tài chính cao mà chưa đặt nặng yêu cầu quản trị rủi ro nên phải gánh chịu các khoản lỗ khi khách hàng mất khả năng thanh toán; cũng có trường hợp công ty muốn gia tăng lợi nhuận trong khi nguồn tài chính hạn hẹp bằng cách vay vốn ngân hàng phục vụ hoạt động cho vay ký quỹ, trường hợp này rủi ro của Công ty chứng khoán sẽ lớn hơn do sử dụng đòn bẩy tài chính; hay dùng tiền và chứng khoán trong tài khoản ít giao dịch để bù đắp giao dịch tạm thời, điều này hết sức rủi ro khi khách hàng giao dịch trở lại hay rút tiền. Với chính sách thận trọng và việc kiểm soát chặt chẽ trong việc cung cấp các dịch vụ tài chính, nên trong năm 2012 rủi ro thanh toán được Công ty kiểm soát tốt, không phát sinh rủi ro thanh toán.

❖ **Rủi ro thanh khoản của thị trường**

Khi thanh khoản biến động bất thường và đột ngột thì rủi ro là rất lớn với nghiệp vụ tự doanh, cho vay ký quỹ hay trong tương lai là các hoạt động vay mượn chứng khoán và sản phẩm quyền chọn của công ty chứng khoán.

Rủi ro thị trường là rủi ro rủi ro không thể loại bỏ được do sự không ổn định, biến động bất thường của thị trường. Để hạn chế rủi ro này, Công ty cần phải có đội ngũ nhận định, phân tích, dự báo thị trường nhằm đưa ra phương án phòng ngừa hiệu quả.

❖ **Rủi ro tuân thủ**

Rủi ro này tính đến khía cạnh pháp lý và những văn bản pháp luật được ban hành trên Thị trường chứng khoán. Các công ty chứng khoán cần tuân thủ nghiêm ngặt để tránh đổ vỡ hệ thống. Hành vi một số công ty chứng khoán bất chấp quy định chưa cho phép mà vẫn cho ra đời những sản phẩm dịch vụ như cho vay giao dịch ký quỹ trước đây đã gây ra tổn thất nặng nề. Ở một khía cạnh khác, với sự phát triển của thị trường, nếu hàng lang pháp lý để điều tiết được ban hành không đồng bộ và chậm sẽ gây ra khó khăn trong việc triển khai hoạt động thực tế.

II. **Tình hình hoạt động trong năm**

1. **Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

❖ **Kết quả hoạt động sản xuất trong năm 2012**

Năm 2012 tiếp tục là một năm khó khăn đối với kinh tế nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng. Tuy nhiên với chiến lược tập trung vào hoạt động chăm sóc, phát triển khách hàng và hoạt động tư vấn, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012 của Công ty đã có những bước tiến đáng kể. Năm 2011 công ty bị lỗ 9,58 tỷ đồng, nhưng năm 2012 hoạt động kinh doanh có lãi và lợi nhuận sau thuế của công ty đạt 22,14 tỷ đồng.

Tóm tắt một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh năm 2012 của Công ty:

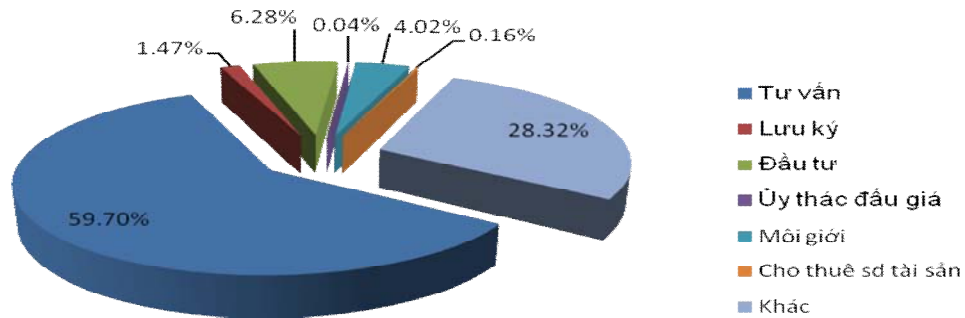
Đơn vị: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Tăng trưởng (%)
1	Tổng tài sản	1.621.503.489.107	994.362.382.782	-39%
2	Vốn chủ sở hữu	303.969.078.525	326.117.712.233	7%
3	Vốn điều lệ	300.000.000.000	300.000.000.000	0%
4	Doanh thu thuần	172.888.174.518	162.937.817.501	-6%
5	Lợi nhuận trước thuế	(9.584.982.138)	25.001.043.683	
6	Lợi nhuận sau thuế	(9.584.982.138)	22.148.633.708	
7	EPS (đồng/cổ phần)	(319)	738	
8	Giá trị sổ sách (đồng)	10.132	10.871	7%

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2011, 2012

Hiệu quả của việc kiểm soát chi phí năm 2012 thể hiện qua chi phí đầu tư chứng khoán, góp vốn giảm đáng kể so với năm 2011 và việc hoàn nhập dự phòng năm 2012 lớn là những nhân tố chủ yếu giúp cho lợi nhuận năm 2012 của Công ty tăng đáng kể.

Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh năm 2012 của Công ty là 162,93 tỷ, trong đó hoạt động chiếm tỷ trọng lớn nhất trong doanh thu 2012 là hoạt động tư vấn với 59,7%, sau đó là hoạt động kinh doanh khác (chủ yếu là kinh doanh nguồn vốn) chiếm 28,32% và hoạt động đầu tư chứng khoán góp vốn chiếm 6,28%.



Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2011, 2012

❖ Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Theo kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 của Công ty thông qua: kế hoạch doanh thu là 77,82 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế là 24,9 tỷ đồng. Như vậy Công ty đã vượt kế hoạch về doanh thu và gần đạt được kế hoạch về lợi nhuận năm 2012 đặt ra.

2. Tổ chức và nhân sự

❖ Danh sách Ban điều hành:

TT	Họ tên	Chức vụ
1	Vũ Hồng Sơn	Tổng Giám đốc
2	Nguyễn Thị Phương Thảo	Phó Tổng Giám đốc
3	Vũ Thị Thanh Hằng	Kế toán trưởng

➤ Ông Vũ Hồng Sơn – Tổng Giám đốc

Họ và tên:	Vũ Hồng Sơn
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	15/02/1969
Quốc tịch:	Việt Nam

Địa chỉ thường trú:	Phòng 1204, CT1B, KĐT Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Kinh tế
Tổng số cổ phần nắm giữ đến ngày 31/12/2012:	0 cổ phần
+ Số cổ phần đại diện:	0 cổ phần
+ Số cổ phần cá nhân nắm giữ:	0 cổ phần
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu Công ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không

➤ **Nguyễn Thị Phương Thảo – Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên:	Nguyễn Thị Phương Thảo
Giới tính:	Nữ
Ngày sinh:	6/8/1981
Quốc tịch:	Việt Nam
Địa chỉ thường trú:	Khu Đường Thuyết, P.Dư Hàng Kênh, Lê Chân, Hải Phòng
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ chuyên ngành Luật
Tổng số cổ phần nắm giữ đến ngày 31/12/2012:	0 cổ phần
+ Số cổ phần đại diện:	0 cổ phần
+ Số cổ phần cá nhân nắm giữ:	0 cổ phần
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu Công ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không

➤ **Vũ Thị Thanh Hằng – Kế toán trưởng**

Họ và tên:	Vũ Thị Thanh Hằng
Giới tính:	Nữ
Ngày sinh:	20/12/1975
Quốc tịch:	Việt Nam
Địa chỉ thường trú:	Số 7, Ngõ 499, Kim Mã, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội

Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Tổng số cổ phần nắm giữ đến ngày 31/12/2012:	0 cổ phần
+ Số cổ phần đại diện:	0 cổ phần
+ Số cổ phần cá nhân nắm giữ:	0 cổ phần
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu Công ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không

➤ **Những thay đổi trong ban điều hành:** Ngày 17/01/2012, Hội đồng quản trị OCS đã ra Quyết định số 47/2012/QĐ-HĐQT, theo đó bổ nhiệm Ông Vũ Hồng Sơn (sinh ngày 15/02/1969, hiện đang giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị) giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty thay thế Ông Bùi Quang Bách kể từ ngày 21/01/2012.

➤ **Số lượng cán bộ, nhân viên Công ty tới ngày 31/12/2012:** 79 người, trong đó số lượng cán bộ nhân viên nghiệp vụ là đã có đủ chứng chỉ hành nghề chứng khoán do UNCKN cấp là 26 người.

Chính sách đối với người lao động:

- Được sắp xếp, bố trí, phân công công việc phù hợp với nhu cầu của Công ty và trình độ, năng lực chuyên môn;
- Được cử đi học tập, đào tạo nâng cao tay nghề và trình độ chuyên môn nghiệp vụ theo yêu cầu của Công ty;
- Được hưởng đầy đủ các quyền lợi và chế độ chính sách theo quy định của Nhà nước (hợp đồng lao động, BHXH, BHYT, BHTN, nghỉ ốm đau, thai sản, nghỉ phép ... và các chế độ khen thưởng, phúc lợi khác)

Những thay đổi trong chính sách đối với người lao động: Điều chỉnh hệ thống thang bảng lương đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động phù hợp với quy định của của nhà nước.

3. *Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án*

- Các khoản đầu tư lớn: Không có
- Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. *Tình hình tài chính*

❖ **Tình hình tài chính**

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1.621.503.489.107	994.362.382.782	-38,68%
Doanh thu thuần	172.888.174.518	162.937.817.501	-5,76%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(9.610.064.838)	23.488.701.945	
Lợi nhuận khác	25.082.700	1.512.341.738	5929,42%
Lợi nhuận trước thuế	(9.584.982.138)	25.001.043.683	
Lợi nhuận sau thuế	(9.584.982.138)	22.148.633.708	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2011, 2012

❖ Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản	Đơn vị tính	Năm 2010	Năm 2011
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	lần	1,22	1,47
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ- Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	lần	1,22	1,47
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0,81	0,67
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	4,33	2,05
3. Vòng quay tổng tài sản			
(Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	vòng	0,11	0,12
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,00%	15,34%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu BQ	%	0,00%	7,94%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản BQ	%	0,00%	1,91%
+ Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	0,00%	14,42%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần:	30.000.000 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành:	30.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do:	30.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng:	0 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông:

STT	Thành phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ so với vốn điều lệ (%)
Phân theo tỷ lệ sở hữu				
1	Cổ đông lớn	28.896.000	288.960.000.000	96,32%
2	Cổ đông nhỏ	1.104.000	11.040.000.000	3,68%
Tổng		30.000.000	300.000.000.000	100%
Phân theo cơ cấu nội bộ				
1	Cổ đông tổ chức	29.221.000	292.210.000.000	97,40%
2	Cổ đông cá nhân	779.000	7.790.000.000	2,60%
Tổng		30.000.000	300.000.000.000	100%
Phân theo nguồn vốn hình thành				
1	Nhà nước	-	-	-
2	Cổ đông khác	30.000.000	300.000.000.000	100%
Tổng		30.000.000	300.000.000.000	100%
Phân theo địa bàn				
1	Cổ đông trong nước	30.000.000	300.000.000.000	100%
2	Cổ đông nước ngoài	-	-	-
Tổng		30.000.000	300.000.000.000	100%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

- d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có
- e) Các chứng khoán khác: Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2012, Công ty đã vượt kế hoạch về doanh thu do Đại hội đồng cổ đông đề ra. Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2012 đạt 88,76% kế hoạch. Tuy chưa hoàn thành kế hoạch lợi nhuận năm 2012, nhưng so với năm 2011 hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2012 đã có những bước tiến bộ nhất định.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Tại thời điểm 31/12/2012, tổng tài sản của Công ty là 994,36 tỷ đồng giảm 39% so với cùng kỳ năm 2012, nguyên nhân do giảm:

- Giảm khoản ủy thác đầu tư trái phiếu đã làm cho giá trị các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn từ 249 tỷ đồng xuống 8,5 tỷ đồng.
- Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán (giảm từ: 220 tỷ đồng xuống còn 30,8 tỷ đồng bao gồm khoản phải thu từ hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán, khoản phải thu từ hợp đồng chuyển nhượng quyền nhận tiền bán chứng khoán);
- Các khoản phải thu khác (giảm từ 1.114,6 tỷ đồng xuống 910,8 tỷ đồng chủ yếu khoản phải thu từ việc đặt cọc theo Hợp đồng đặt mua chứng khoán giữa Công ty và đối tác trong đó Công ty là bên mua)

b) Tình hình vay và nợ phải trả:

Hiện công ty không có khoản nợ và vay dài hạn nào. Khoản vay ngắn hạn chủ yếu phản ánh khoản nhận đặt cọc theo hợp đồng môi giới mua chứng khoán giữa Công ty và đối tác mà Công ty là bên môi giới, giá trị đặt cọc sẽ tương đương với 50% giá trị hợp đồng. Trường hợp giao dịch mua bán chứng khoán được thực hiện toàn bộ hoặc một phần hay không được thực hiện, khoản tiền đặt cọc này vẫn được hưởng lãi suất theo hợp đồng tính trên số tiền đặt cọc thực tế.

Chênh lệch tỷ giá: không ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, thành lập bộ phận chuyên môn quản trị rủi ro đảm bảo đúng yêu cầu của thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 31/11/2012 hướng dẫn thành lập và tổ chức hoạt động của Công ty chứng khoán. Rà soát hoàn thiện hệ thống các quy trình nghiệp vụ đảm bảo tính chặt chẽ, kiểm soát được rủi ro.
- Đề cao đóng góp cá nhân trong thành tích tập thể, phát huy tinh thần ham học hỏi, không ngừng hoàn thiện ở mỗi cá nhân cũng như toàn Công ty để hướng tới chất lượng sản phẩm dịch vụ ngày một nâng cao.

4. *Kế hoạch phát triển trong tương lai*

Ban Tổng Giám đốc nhận thấy trên cơ sở chiến lược dài hạn hợp lý và giải pháp từng thời kỳ linh hoạt, Công ty hoàn toàn có thể trụ vững và phát triển ổn định trong giai đoạn thị trường chứng khoán tái cấu trúc.

❖ *Điểm mạnh*

- Tình hình tài chính an toàn, vững mạnh
- Công ty đoàn kết; đội ngũ nhân sự trẻ, có năng lực vào khao khát khẳng định bản thân.
- Công tác quản trị rủi ro được thực hiện rất tốt, không có khoản nợ khó đòi nào đáng kể
- Quy mô danh mục tự doanh không đáng kể, đã được trích lập dự phòng đầy đủ.
- Tham vọng và tầm nhìn của Ban lãnh đạo Công ty.

❖ *Điểm yếu*

- Hệ thống quy trình nghiệp vụ tại nhiều phòng ban vẫn cần chỉnh sửa, tiếp tục hoàn thiện.
- Hệ thống phần mềm, phần cứng của Công ty cần tiếp tục đầu tư, trang bị để đáp ứng được yêu cầu công việc.
- Khả năng giao tiếp, phối hợp, làm việc nhóm giữa các bộ phận chưa thật sự tốt.

❖ *Cơ hội*

- Sự quan tâm và tầm nhìn của Chủ tịch HĐQT xây dựng OCS như một lá cờ đầu trong Tập đoàn nói riêng và trên TTCK nói chung.
- Đối thủ cạnh tranh bị ảnh hưởng nghiêm trọng từ hoạt động quản trị rủi ro yếu kém và danh mục tự doanh không hiệu quả.
- Lãi suất sụt giảm nhanh chóng, bất động sản vẫn trong giai đoạn khó khăn, Nhà nước thắt chặt hoạt động quản lý giao dịch vàng và ngoại hối khiến chứng khoán trở thành một kênh đầu tư tương đối hấp dẫn với các nhà đầu tư.
- Cơ hội nâng cấp, thay đổi công nghệ với chi phí hợp lý do điều kiện thị trường khó khăn.

❖ *Thách thức*

- Cạnh tranh toàn diện trong hoạt động môi giới chứng khoán về phí giao dịch, công nghệ, các dịch vụ chăm sóc NĐT, các dịch vụ hỗ trợ giao dịch và hỗ trợ tài chính
- Đối với hoạt động tư vấn: tập trung vào các công ty lớn, yêu cầu thực hiện những dịch vụ có độ phức tạp và đòi hỏi trình độ chuyên môn cao như M&A, tư vấn trọn gói...
- Thị trường chứng khoán biến động ngày một khó lường, khiến rủi ro cho hoạt động đầu tư sẽ tăng lên đáng kể;

❖ *Mục tiêu trong năm 2013:*

- Top 30 Công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất đạt trung bình 2% toàn thị trường; Top 30 Công ty Chứng khoán có thị phần tư vấn lớn nhất;
- Tỷ lệ phải thu khó đòi kiểm soát dưới 1% vốn điều lệ; ROA>5%, ROE>12%

❖ **Những điểm trọng yếu trong kế hoạch hành động:**

- Trên cơ sở tự xây dựng và nâng cấp hệ thống, phát triển phần mềm lõi chứng khoán có tính ưu việt trên thị trường, tạo ra lợi thế cạnh tranh cho Công ty. Ngoài ra, ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn khác nhằm nâng cao năng suất lao động và giảm thiểu rủi ro;
- Chuẩn hóa và phổ cập toàn bộ hệ thống quy trình nghiệp vụ của toàn Công ty theo hướng ISO hóa trong đó đề cao hoạt động kiểm soát rủi ro ở tất cả các cấp;
- Nâng cao trình độ chuyên môn của tất cả các bộ phận thông qua hoạt động đào tạo tại chỗ, kiểm soát quy trình cũng như các khóa đào tạo chuyên sâu đặc biệt về các kỹ năng mềm;
- Tăng cường các cơ hội trao đổi, học hỏi, thảo luận giữa các phòng ban trong toàn Công ty nhằm nâng cao khả năng giao tiếp và phối hợp, làm việc nhóm;
- Xây dựng văn hóa OCS theo hướng chuyên nghiệp, tận tâm trong đó chú trọng nâng cao tính tự giác, chủ động, tinh thần trách nhiệm trong công việc;
- Đề cao đóng góp cá nhân trong thành tích tập thể, phát huy tinh thần ham học hỏi, không ngừng hoàn thiện ở mỗi cá nhân cũng như toàn Công ty để hướng tới chất lượng sản phẩm dịch vụ ngày một nâng cao;

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

❖ **Môi giới – dịch vụ khách hàng**

Năm 2012, mặc dù doanh thu môi giới cả năm còn ở mức thấp, chưa hoàn thành kế hoạch, thị phần giao dịch chiếm khoảng 0,5%/toàn thị trường, khối lượng giao dịch khiêm tốn nhưng đã có những khởi sắc đáng ghi nhận trong nửa cuối năm.

Doanh thu hoạt động môi giới đạt 6,7 tỷ, chiếm 4,02% tỷ trọng doanh thu của công ty. Tính đến 31/12/2012 số lượng khách hàng mở tài khoản giao dịch OCS là 3580 tài khoản, số lượng khách hàng mở tài khoản giao dịch mới trong năm 2012 là 466 tài khoản.

❖ **Tư vấn tài chính doanh nghiệp và M&A**

Trong năm 2012, hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp của OCS tập trung vào việc hoàn thành các hợp đồng đã triển khai từ năm 2011, bên cạnh đó triển khai cung cấp dịch vụ tư vấn cho các công ty trong Tập đoàn. OCS duy trì việc chăm sóc khách hàng, tìm kiếm phát triển khách hàng, mở rộng triển khai các hợp đồng thoái vốn của Tổng công ty kinh doanh vốn Nhà nước SCIC.

Các hoạt động đã triển khai trong năm 2012:

- Tư vấn niêm yết: thực hiện 05 hợp đồng (trong đó hợp đồng ký mới là 02);

- Tư vấn phát hành và tư vấn khác: thực hiện 27 hợp đồng (trong đó hợp đồng ký mới là 22);
- Tư vấn tái cấu trúc DN, M&A: mảng tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp và M&A tiếp tục được đẩy mạnh với số hợp đồng thực hiện;

❖ **Phân tích & Tư vấn đầu tư:** Nhận định kịp thời trong phiên giao dịch góp phần định hướng, hỗ trợ Phòng Môi Giới và khách hàng cá nhân VIP của Công ty. Chú trọng xây dựng các báo cáo có tính thực tiễn, mức độ linh hoạt, kịp thời cao nhằm phục vụ các nhóm khách hàng.

❖ **Đầu tư (tự doanh):** Trong năm 2012, Công ty không chú trọng hoạt động đầu tư tự doanh cả ngắn hạn và dài hạn. Công ty chủ yếu tập trung thoái vốn và cơ cấu lại các khoản đầu tư cũ theo hướng gia tăng tỷ trọng tiền mặt và hoàn nhập trích lập dự phòng. Đến ngày 31/12/2012, Tổng giá trị đầu tư tự doanh của Công ty còn 23,48 tỷ đồng.

❖ **Hoạt động kinh doanh nguồn vốn**

Nguồn vốn luôn được tập trung kịp thời cho tất cả các nhu cầu sử dụng trong Công ty. OCS tiếp tục chú trọng mở rộng và xây dựng quan hệ hợp tác với các ngân hàng thương mại, thường xuyên theo dõi diễn biến tình hình lãi suất để có phương án đàm phán hiệu quả nhất. Công tác phối hợp, kiểm soát nội bộ đối với hoạt động tiền gửi cũng được tăng cường để bảo đảm hoạt động tiền gửi được thực hiện đúng quy trình nội bộ, bảo đảm an toàn, hợp lệ trong tất cả các khâu gửi, nhận tiền, thỏa thuận, ký kết, lưu trữ hợp đồng.

❖ **Công nghệ thông tin:**

Trên cơ sở năng lực công nghệ của Công ty, các phần mềm và hệ thống giao dịch của Công ty vận hành đảm bảo hoạt động tốt, an toàn cũng như cung cấp cho khách hàng các dịch vụ tiện ích phục vụ cho hoạt động giao dịch chứng khoán của khách hàng với chất lượng tương đối ổn định và bảo mật.

Công ty đã phát triển các ứng dụng công nghệ cho quá trình tác nghiệp, đảm bảo các hoạt động dịch vụ của Công ty như: Index & TTS Brocker, Online Trading, Gateway SMS, Home Trading... có thể đáp ứng được giao dịch của khách hàng. Nâng cấp website với nhiều thông tin và tiện ích để phục vụ nhà đầu tư, giao dịch trực tuyến...

❖ **Nhân sự - Đào tạo:**

Trong năm, Công ty đã thực hiện tìm kiếm, bổ sung thêm nhân sự có chất lượng cho các phòng, bộ phận Hội sở và Chi nhánh Sài Gòn. Nâng cao trình độ chuyên môn của tất cả các bộ phận thông qua hoạt động đào tạo tại chỗ, kiểm soát quy trình cũng như các khóa đào tạo nghiệp vụ, kỹ năng mềm. Tăng cường các cơ hội trao đổi, học hỏi, thảo luận giữa các phòng ban trong toàn Công ty nhằm nâng cao khả năng giao tiếp và phối hợp, làm việc nhóm;

2. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty**

Ban Tổng giám đốc của Công ty đã có sự chỉ đạo, điều hành sát sao các mặt hoạt động của Công ty, đảm bảo mục tiêu mà HĐQT đưa ra là phát triển bền vững, từng bước mở rộng hoạt động và kết quả kinh doanh có những tín hiệu tích cực. Ban Tổng Giám đốc đã có những báo cáo kịp thời lên HĐQT để đưa ra các điều chỉnh về chiến lược khi tình hình thị trường có sự chuyển biến mới.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

HĐQT dự kiến sẽ đẩy mạnh công tác xây dựng hệ thống quản trị rủi ro trong Công ty theo hướng thành lập các bộ phận quản trị rủi ro, phù hợp với các quy định mới. Bên cạnh đó, HĐQT sẽ tiếp tục nghiên cứu các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động môi giới và tư vấn trên cơ sở định vị rõ ràng khách hàng mục tiêu và cung cấp các sản phẩm dịch vụ OCS có lợi thế cạnh tranh.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

❖ Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:

TT	Họ tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Là thành viên HĐQT của Công ty khác
1	Hà Văn Thắm	Chủ tịch HĐQT	Sở hữu: 96,37% Trong đó: - Sở hữu đại diện: 96,32% - Sở hữu cá nhân: 0,05%	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tập đoàn Đại Dương - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương - Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chủ tịch HĐQT CTCP Bán lẻ và Quản lý Bất động sản Đại Dương
2	Nguyễn Thị Dung	Thành viên HĐQT không điều hành	-	<ul style="list-style-type: none"> - Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn Đại Dương
3	Lê Thị Ánh Tuyết	Thành viên HĐQT độc lập	-	<ul style="list-style-type: none"> - Thành viên HĐQT CTCP Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương - Chủ tịch HĐQT CTCP Fafim Việt Nam
4	Lê Thị Thu Thủy	Thành viên HĐQT không điều hành	Sở hữu cá nhân: 0,2%	<ul style="list-style-type: none"> - Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn Đại Dương - Thành viên HĐQT NHTMCP Đại Dương
5	Vũ Hồng Sơn	Thành viên	-	<ul style="list-style-type: none"> - Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Tập đoàn Đại Dương - Chủ tịch HĐQT CTCP Nông Lâm sản Đại Dương - Chủ tịch HĐQT CTCP Fafim Thành phố Hồ Chí Minh - Chủ tịch HĐQT CTCP Phát triển Tài nguyên thiên nhiên Đại Dương

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Định kỳ hàng quý, Hội đồng quản trị tổ chức các cuộc họp để nghe báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về tình hình hoạt động của Công ty đồng thời trên cơ sở các đề xuất, kiến nghị của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị thảo luận và ra các quyết sách phù hợp, định hướng cho sự phát triển bền vững của Công ty.

Các cuộc họp Hội đồng quản trị:

Stt	Số	Ngày	Nội dung
1	46/2012/NQ-HĐQT	02/01/2012	Nghị quyết của HĐQT v/v thông qua việc thực hiện kế hoạch quảng cáo, tiếp thị hình ảnh Công ty thông qua việc thuê Công ty Cổ phần truyền thông Đại Dương thực hiện
2	47A/2012/QĐ-HĐQT	17/01/2012	Quyết định của HĐQT v/v miễn nhiệm và chấm dứt Hợp đồng lao động đối với Ông Bùi Quang Bách – Tổng Giám đốc
3	47B/2012/QĐ-HĐQT	17/01/2012	Quyết định của HĐQT v/v bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc đối với Ông Vũ Hồng Sơn
4	01/2012/NQ-HĐQT	23/02/2012	Nghị quyết của HĐQT v/v Phê duyệt việc mua sắm phương tiện đi lại tại Chi nhánh Sài Gòn
5	05/2012/NQ-HĐQT	03/05/2012	Nghị quyết của HĐQT v/v Quyết định đầu tư mua cổ phần của Công ty Cổ phần Thương mại Đại Dương
6	05A/2012/NQ-HĐQT	10/10/2012	Nghị quyết của HĐQT v/v Quyết định đầu tư mua cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Vneco
7	05B/2012/NQ-HĐQT	15/10/2012	Nghị quyết của HĐQT v/v Quyết định đầu tư mua Trái phiếu CP – Kho bạc Nhà nước
8	06/2012/NQ-HĐQT	1/11/2012	Nghị quyết của HĐQT v/v Quyết định đầu tư mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Masan
9	06A/2012/NQ-HĐQT	30/10/2012	Nghị quyết của HĐQT v/v Quyết định đầu tư mua cổ phiếu của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
10	07/2012/NQ-HĐQT	3/12/2012	Nghị quyết của HĐQT v/v Quyết định đầu tư mua trái phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Mặt trời mọc

11	08/2012/NQ-HĐQT	27/12/2012	Nghị quyết của HĐQT v/v Quyết định đầu tư mua trái phiếu của Công ty Cổ phần đầu tư Thảo Điền
12	08A/2012/NQ-HĐQT	12/12/2012	Nghị quyết của HĐQT v/v Quyết định tổ chức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản về việc chuyển địa điểm trụ sở chính

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Nguyễn Thị Lan Hương	Trưởng ban	Sở hữu cá nhân: 0,03%
2	Lại Thị Sen	Thành viên	0
3	Hoàng Văn Tuyền	Thành viên	0

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Giám sát Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong công tác quản lý; điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính năm 2012.
- Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính 6 tháng và báo cáo năm của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.
- Chủ động xem xét sổ sách kế toán và các tài liệu liên quan của Công ty khi xét thấy cần thiết, đặc biệt trong giai đoạn khủng hoảng tài chính thế giới, hạn chế đến mức tối đa các rủi ro có thể phát sinh trước diễn biến phức tạp của tình hình thị trường chứng khoán Việt Nam và thế giới.
- Kiến nghị Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông có các biện pháp cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

- Trong năm 2012 các khoản thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát đều thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và căn cứ trên mức độ tham gia điều hành vào hoạt động của Công ty:

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Thù lao (VNĐ)
1	Vũ Hồng Sơn	Thành Viên HĐQT Tổng Giám đốc	36.000.000
2	Lê Thị Ánh Tuyết	Thành viên HĐQT	36.000.000
3	Lê Thị Thu Thủy	Thành viên HĐQT	36.000.000

- Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có
- Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có
- Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: tuân thủ đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

Deloitte.

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex
34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam
Tel : +844 6288 3568
Fax: +844 6288 5678
www.deloitte.com/vn

Số: 153 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2013 từ trang 3 đến trang 25. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Trương Anh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0029/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 25 tháng 3 năm 2013
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Bùi Thị Thu Hương
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1688/KTV

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

(Chi tiết theo Báo cáo tài chính đính kèm)

**CTCP CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG
CHỦ TỊCH HĐQT****VŨ HỒNG SƠN**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Số 4, Láng Hạ, quận Ba Đình

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 25



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hà Văn Thắm	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên
Bà Lê Thị Ánh Tuyết	Thành viên
Bà Lê Thị Thu Thùy	Thành viên
Ông Vũ Hồng Sơn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Hồng Sơn	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Vũ Hồng Sơn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2013

112
CÔNG
NHIỆ
LO
T
DA

Số: 153 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2013 từ trang 3 đến trang 25. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Trương Anh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0029/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 25 tháng 3 năm 2013
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Bùi Thị Thu Hương
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1688/KTV

20 - C.T.
TY
HỮU HẠN
TE
NAM
TP. HÀ N

Đ
C
ÚK
AI
VI

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-CTCK
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
TÀI SẢN			983.412.873.845	1.608.348.376.214
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+150)	100			
I. Tiền	110	5	27.912.518.627	18.884.085.734
1. Tiền	111		27.912.518.627	18.884.085.734
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	8.529.740.142	249.219.813.938
1. Đầu tư ngắn hạn	121		23.485.554.860	286.780.427.575
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(14.955.814.718)	(37.560.613.637)
III. Các khoản phải thu	130		938.462.374.798	1.328.605.451.529
1. Phải thu khách hàng	131		476.719.943	235.142.235
2. Trả trước cho người bán	132		-	253.500.000
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	7	30.868.348.950	220.290.706.211
4. Các khoản phải thu khác	138	8	910.887.671.304	1.114.621.628.191
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3.770.365.399)	(6.795.525.108)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.508.240.278	11.639.025.013
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		373.710.453	649.549.456
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	9	8.104.918.325	10.957.328.300
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		29.611.500	32.147.257
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)	200		10.949.508.937	13.155.112.893
I. Tài sản cố định	220		5.644.930.203	6.774.855.922
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	4.376.499.042	5.265.623.092
Nguyên giá	222		11.058.278.244	10.236.747.193
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.681.779.202)	(4.971.124.101)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	1.268.431.161	1.509.232.830
Nguyên giá	228		3.935.321.000	3.235.321.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.666.889.839)	(1.726.088.170)
II. Tài sản dài hạn khác	260		5.304.578.734	6.380.256.971
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.783.143.197	4.157.305.392
2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263		2.210.140.429	1.911.656.471
3. Tài sản dài hạn khác	268		311.295.108	311.295.108
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		994.362.382.782	1.621.503.489.107

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-CTCK
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		668.244.670.549	1.317.534.410.582
I. Nợ ngắn hạn	310		668.244.670.549	1.317.534.410.582
1. Phải trả người bán	312		161.989.670	442.420.042
2. Người mua trả tiền trước	313		725.536.588	165.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	540.110.637	158.785.577
4. Phải trả người lao động	315		1.974.188.984	631.584.144
5. Chi phí phải trả	316	13	584.959.804	298.929.961
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	663.927.526.429	1.314.753.399.451
7. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		214.484.625	192.107.945
8. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		-	279.241.650
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		115.873.812	612.941.812
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400	15	326.117.712.233	303.969.078.525
I. Vốn chủ sở hữu	410		326.117.712.233	303.969.078.525
1. Vốn điều lệ	411		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.858.850.080	1.858.850.080
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.994.519.868	1.994.519.868
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		22.264.342.285	115.708.577
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		994.362.382.782	1.621.503.489.107

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-CTCK
Đơn vị: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Mã số	31/12/2012	31/12/2011
1. Chứng khoán lưu ký	006	4.811.662.460.000	3.512.979.390.000
1.1. Chứng khoán giao dịch	007	4.643.890.100.000	3.465.086.350.000
1.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	8.997.290.000	20.197.120.000
1.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	4.634.892.810.000	3.439.607.130.000
1.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	-	5.282.100.000
1.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	16.236.660.000	24.155.600.000
1.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	013	-	7.000.000.000
1.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	16.236.660.000	17.155.600.000
1.3. Chứng khoán cầm cố	017	1.484.800.000	1.484.800.000
1.3.1. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	1.484.800.000	1.484.800.000
1.4. Chứng khoán chờ thanh toán	027	44.600.800.000	22.137.700.000
1.4.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	-	1.327.300.000
1.4.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	44.600.800.000	17.999.400.000
1.4.3. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	030	-	2.811.000.000
1.5. Chứng khoán chờ giao dịch	037	105.450.100.000	114.940.000
1.5.1. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	105.450.100.000	114.940.000



Vũ Hồng Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2013

Vũ Thị Thanh Hằng
Kế toán trưởng

Bùi Thị Yên
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 02-CTCK

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	01		167.661.428.612	172.888.174.518
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		6.746.098.404	6.192.374.372
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		10.534.466.591	7.523.917.477
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		100.092.054.429	46.172.218.149
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		2.462.624.451	1.598.107.304
Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		75.297.642	-
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		267.506.363	-
Doanh thu khác	01.9	16	47.483.380.732	111.401.557.216
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		4.723.611.111	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01-02)	10		162.937.817.501	172.888.174.518
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	17	127.186.613.026	174.249.386.983
5. Lợi nhuận/(Lỗ) gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		35.751.204.475	(1.361.212.465)
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		12.262.502.530	8.248.852.373
7. Lợi nhuận/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)	30		23.488.701.945	(9.610.064.838)
8. Thu nhập khác	31		1.607.670.164	80.321.007
9. Chi phí khác	32		95.328.426	55.238.307
10. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.512.341.738	25.082.700
11. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		25.001.043.683	(9.584.982.138)
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	18	2.852.409.975	-
13. Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		22.148.633.708	(9.584.982.138)
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	19	738	(319)



Vũ Hồng Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2013

Vũ Thị Thanh Hằng
Kế toán trưởng

Bùi Thị Yến
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 03-CTCK

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2012		2011	
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
1. Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	01	25.001.043.683		(9.584.982.138)	
2. Điều chỉnh cho các khoản:					
Khấu hao tài sản cố định	02	2.989.808.283		2.947.394.269	
Các khoản dự phòng	03	(25.629.958.628)		6.694.566.283	
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(15.358.445.172)		(21.592.494.673)	
3. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(12.997.551.834)		(21.535.516.259)	
Biến động các khoản phải thu	09	446.980.214.634		(126.397.436.659)	
Biến động chứng khoán tự doanh	10	44.717.094.915		56.733.380.265	
Biến động các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(645.940.262.058)		87.224.756.478	
Biến động chi phí trả trước	12	1.650.001.198		2.814.311.368	
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	12	-		(1.096.788.966)	
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(795.551.958)		(1.181.198.021)	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	<i>(166.386.055.103)</i>		<i>(3.438.491.794)</i>	
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.894.241.581)		(1.207.235.090)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-		54.888.498	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-		(218.577.777.800)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	174.945.861.133		200.000.000.000	
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.362.868.444		14.190.587.739	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<i>175.414.487.996</i>		<i>(5.539.536.653)</i>	
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	50	<i>9.028.432.893</i>		<i>(8.978.028.447)</i>	
Tiền đầu năm	60	18.884.085.734		27.862.114.181	
Tiền cuối năm	70	27.912.518.627		18.884.085.734	



Vũ Hồng Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2013

Vũ Thị Thanh Hằng
Kế toán trưởng

Bùi Thị Yến
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Số 4 Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MÃ SỐ B 05-CTCK
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Số dư tại		Số tăng/(giảm) trong năm		Số dư tại	
	01/01/2011	01/01/2012	2011	2012	31/12/2011	31/12/2012
1. Vốn điều lệ	300.000.000.000	300.000.000.000	Tăng -	Tăng -	300.000.000.000	300.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	1.209.906.300	1.858.850.080	Tăng 648.943.780	Tăng -	1.858.850.080	1.858.850.080
3. Quỹ dự phòng tài chính	1.283.241.194	1.994.519.868	Tăng 711.278.674	Tăng -	1.994.519.868	1.994.519.868
4. Lợi nhuận chưa phân phối	11.702.875.601	115.708.577	Tăng (9.584.982.138)	Tăng (2.002.184.886)	115.708.577	22.264.342.285
	314.196.023.095	303.969.078.525	(8.224.759.684)	(2.002.184.886)	303.969.078.525	326.117.712.233



Vũ Hồng Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2013

(Handwritten signature)

Vũ Thị Thanh Hằng
Kế toán trưởng

(Handwritten signature)

Bùi Thị Yến
Người lập biểu

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép kinh doanh số 0103015027 ngày 22 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 48/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006 và các Giấy phép điều chỉnh bổ sung.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 80 người (31/12/2011: 80).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam.

Công ty lập báo cáo tài chính theo Thông tư số 95/2008/QĐ-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC tuy nhiên chưa loại trừ chỉ tiêu Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán khỏi bảng cân đối kế toán.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu ngắn hạn khác, tài sản dài hạn khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu và các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán.

Tiền gửi ngân hàng phản ánh các khoản tiền gửi không kỳ hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc ủy thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán là khoản tiền của công ty chứng khoán và nhà đầu tư tại tài khoản của Công ty chứng khoán mở ở ngân hàng chỉ định để sẵn sàng tham gia thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán. Công ty ghi nhận giảm tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán tại ngày T.

Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn bao gồm chứng khoán thương mại và các khoản đầu tư ngắn hạn khác của Công ty. Đầu tư ngắn hạn khác phản ánh khoản ủy thác đầu tư trái phiếu.

Đầu tư ngắn hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư ngắn hạn được Công ty áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Theo đó:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết, Công ty áp dụng giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng đối với chứng khoán niêm yết tại sàn HNX và giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng đối với chứng khoán niêm yết tại sàn HOSE.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết, dự phòng giảm giá cho các chứng khoán được thực hiện trên cơ sở đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về giá trị suy giảm của các cổ phiếu.
- Đối với hoạt động hợp tác đầu tư, dự phòng giảm giá được thực hiện trên cơ sở đánh giá của Ban Tổng Giám đốc đối với từng hợp đồng hợp tác đầu tư phù hợp với điều kiện thị trường chứng khoán tại thời điểm trích lập dự phòng.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán của Công ty.

Giá gốc của các khoản đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Phải thu khách hàng bao gồm phải thu phí cung cấp dịch vụ môi giới, tư vấn cho nhà đầu tư, và các khoản phải thu về dịch vụ khác.

Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm phải thu gốc và lãi của các hợp đồng tư vấn đầu tư chứng khoán, các hợp đồng môi giới chứng khoán chưa niêm yết đã thực hiện và các hợp đồng chuyển nhượng quyền nhận tiền bán chứng khoán.

Phải thu khác

Phải thu khác bao gồm phải thu gốc và lãi đối với khoản tiền đặt cọc theo các hợp đồng môi giới chứng khoán chưa niêm yết, dự thu lãi trái phiếu và các khoản phải thu khác.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm 2012</u>
	Số năm
Máy móc, thiết bị	3 - 5
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Phương tiện vận tải	6
Tài sản khác	3 - 5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm ứng dụng được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị phần mềm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 3-5 năm.

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà Công ty phải trả hộ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền. Phải trả cổ tức cho cổ đông phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, lãi chia cho cổ đông, người góp vốn, bên góp vốn của công ty chứng khoán.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phản ánh khoản tiền Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch môi giới chứng khoán và quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Doanh thu

Hoạt động môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu.

Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán là khoản thu nhập từ chênh lệch về mua bán chứng khoán tự doanh của Công ty. Doanh thu hoạt động tự doanh chứng khoán được ghi nhận dựa trên thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

Doanh thu từ hoạt động đầu tư góp vốn là lãi thu được từ cổ phiếu và trái phiếu. Lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do Công ty nắm giữ.

Hoạt động bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành chứng khoán

Doanh thu hoạt động bảo lãnh phát hành và đại lý phát hành chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hoàn thành việc thông báo kết quả phát hành chứng khoán.

Hoạt động tư vấn

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán, trong đó, chủ yếu là doanh thu tư vấn đầu tư từ các hợp đồng tư vấn đầu tư chứng khoán.

Hoạt động lưu ký chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu.

Doanh thu khác

Doanh thu khác bao gồm doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi trái phiếu, lãi từ hợp đồng ủy thác đầu tư, lãi từ hợp đồng môi giới chứng khoán chưa niêm yết. Doanh thu khác được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

0112
CÔNG
CH NHIỆ
DELO
IẾT
ĐA -

S. C.
S. C.
S. C.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền mặt	16.885.949	3.399.055
Tiền gửi ngân hàng	7.421.638.416	7.583.223.155
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	20.473.994.262	11.297.463.524
	27.912.518.627	18.884.085.734

00 - G.
TY
HỮU HẠI
TE
AM
P. HA

11/12/12

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNGSố 4 Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Chứng khoán thương mại		
Cổ phiếu niêm yết	13.869.354.860	62.586.449.775
Cổ phiếu chưa niêm yết	9.616.200.000	5.616.200.000
	23.485.554.860	68.202.649.775
Đầu tư ngắn hạn khác		
Ủy thác đầu tư trái phiếu	-	218.577.777.800
	-	218.577.777.800
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(14.955.814.718)	(37.560.613.637)
	8.529.740.142	249.219.813.938

Tình hình đầu tư tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty như sau:

	Số lượng (đơn vị)	Giá trị theo sổ sách kế toán (VND)	So với giá thị trường (VND)		Tổng giá trị theo giá thị trường (VND)
			Tăng	Giảm	
Chứng khoán thương mại					
- Cổ phiếu niêm yết	913.629	13.869.354.860	2.229.900	(8.955.814.718)	4.915.770.042
- Cổ phiếu chưa niêm yết	1.686.620	9.616.200.000	-	(6.000.000.000)	3.616.200.000
	2.600.249	23.485.554.860	2.229.900	(14.955.814.718)	8.531.970.042

Tình hình đầu tư tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty như sau:

	Số lượng (đơn vị)	Giá trị theo sổ sách kế toán (VND)	So với giá thị trường (VND)		Tổng giá trị theo giá thị trường (VND)
			Tăng	Giảm	
Chứng khoán thương mại					
- Cổ phiếu niêm yết	2.852.442	62.586.449.775	790.262	(37.560.613.637)	25.026.626.400
- Cổ phiếu chưa niêm yết	561.620	5.616.200.000	-	-	5.616.200.000
	3.414.062	68.202.649.775	790.262	(37.560.613.637)	30.642.826.400

Chi tiết danh mục đầu tư ngắn hạn giảm giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Chỉ tiêu	Số lượng (đơn vị)	Giá trị ghi sổ (VND)	Giảm so với giá thị trường (VND)	Tổng giá trị thị trường (VND)
Cổ phiếu niêm yết				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thành Nam	226.300	5.604.662.200	(3.681.112.200)	1.923.550.000
Công ty Cổ phần VINAICO	675.000	8.160.330.000	(5.257.830.000)	2.902.500.000
Cổ phiếu khác (*)	11.521	95.810.059	(16.872.518)	78.937.541
Cổ phiếu chưa niêm yết				
Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và lắp máy dầu khí	200.000	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNECO Hà Nội	1.125.000	4.000.000.000	(4.000.000.000)	-
	2.237.821	19.860.802.259	(14.955.814.718)	4.904.987.541

(*) Các cổ phiếu khác bao gồm các cổ phiếu lô lẻ mà Công ty đang nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. PHẢI THU HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Hợp đồng tư vấn đầu tư chứng khoán	3.776.954.600	15.252.665.100
Dịch vụ môi giới chứng khoán chưa niêm yết	-	200.611.111.111
<i>Công ty TNHH Dịch vụ Đầu tư Tài chính AT & M</i>	-	200.611.111.111
Chuyển nhượng quyền nhận tiền bán chứng khoán (*)	24.145.024.350	3.901.830.000
Hợp đồng giao dịch ký quỹ	2.946.370.000	525.100.000
	30.868.348.950	220.290.706.211

(*) Phản ánh khoản phải thu từ hợp đồng chuyển nhượng quyền nhận tiền bán chứng khoán. Theo hợp đồng, Công ty nhận chuyển nhượng quyền nhận tiền bán chứng khoán của khách hàng căn cứ vào kết quả khớp lệnh bán chứng khoán của tài khoản giao dịch chứng khoán của khách hàng mở tại Công ty. Ngay khi tiền bán chứng khoán của khách hàng được thanh toán theo kết quả thanh toán bù trừ, Công ty sẽ tự động thu tiền từ tài khoản của khách hàng bao gồm cả gốc ứng trước và lãi chuyển nhượng phát sinh.

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Đặt cọc theo Hợp đồng đặt mua chứng khoán (*)	867.230.929.938	1.095.429.021.802
Công ty Cổ phần Bán lẻ và Quản lý Bất Động Sản Đại Dương (**)	43.631.916.667	-
Phải thu về chuyển nhượng cổ phiếu	-	15.102.000.000
Công ty TNHH VNT	-	4.088.888.889
Khác	24.824.699	1.717.500
	910.887.671.304	1.114.621.628.191

(*) Phản ánh số dư phải thu từ việc đặt cọc theo Hợp đồng đặt mua chứng khoán giữa Công ty và đối tác trong đó Công ty là bên mua. Công ty sẽ đề nghị đối tác thay mặt cho Công ty mua chứng khoán theo thỏa thuận trong hợp đồng, đồng thời đặt cọc cho đối tác một khoản tiền tương đương 50% giá trị hợp đồng. Trường hợp giao dịch mua bán chứng khoán được thực hiện toàn bộ hoặc một phần, khoản tiền đặt cọc này vẫn được hưởng lãi suất theo hợp đồng tính trên số ngày đối tác nắm giữ tiền đặt cọc thực tế. Khi hợp đồng hết thời hạn mà đối tác không tìm được chứng khoán như theo thỏa thuận, đối tác sẽ phải trả lại cho Công ty số tiền đặt cọc và số tiền lãi tương ứng.

(**) Phản ánh số dư còn phải thu từ nghiệp vụ chuyển nhượng 200 trái phiếu do Công ty TNHH VNT phát hành với mệnh giá 1.000.000.000 VND/trái phiếu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện đánh giá khả năng thu hồi của các khoản phải thu, ứng trước nêu trên và khẳng định dự phòng phải thu khó đòi đã được trích lập một cách thận trọng và phù hợp với các quy định hiện hành.

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty nộp thừa tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNGSố 4 Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2012	8.335.936.442	188.012.000	1.121.028.000	591.770.751	10.236.747.193
Tăng trong năm	415.381.581	-	778.860.000	-	1.194.241.581
Giảm do thanh lý	372.710.530	-	-	-	372.710.530
Tại ngày 31/12/2012	8.378.607.493	188.012.000	1.899.888.000	591.770.751	11.058.278.244
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2012	4.300.042.894	83.560.896	301.276.284	286.244.027	4.971.124.101
Khấu hao trong năm	1.613.574.118	62.670.672	268.707.056	104.054.768	2.049.006.614
Giảm trong năm	338.351.513	-	-	-	338.351.513
Tại ngày 31/12/2012	5.575.265.499	146.231.568	569.983.340	390.298.795	6.681.779.202
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2012	2.803.341.994	41.780.432	1.329.904.660	201.471.956	4.376.499.042
Tại ngày 31/12/2011	4.035.893.548	104.451.104	819.751.716	305.526.724	5.265.623.092

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2012	3.235.321.000	3.235.321.000
Tăng trong năm	700.000.000	700.000.000
Tại ngày 31/12/2012	3.935.321.000	3.935.321.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2012	1.726.088.170	1.726.088.170
Khấu hao trong năm	940.801.669	940.801.669
Tại ngày 31/12/2012	2.666.889.839	2.666.889.839
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 31/12/2012	1.268.431.161	1.268.431.161
Tại ngày 31/12/2011	1.509.232.830	1.509.232.830

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	32.858.273	8.000.000
Thuế thu nhập cá nhân	507.252.364	150.785.577
	540.110.637	158.785.577

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải trả phí lưu ký, chuyển khoản	198.000.000	140.000.000
Phí hoa hồng giới thiệu sản phẩm	184.359.485	16.938.582
Phải trả phí kiểm toán	91.740.000	117.081.250
Phí thuê kênh	80.860.319	-
Chi phí khác	30.000.000	24.910.129
	584.959.804	298.929.961

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	80.868.063	194.569.290
Bảo hiểm xã hội	28.626.750	-
Phải trả tiền đặt cọc môi giới mua chứng khoán (*)	344.501.583.332	1.288.103.089.900
Phải trả về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư (**)	319.259.649.794	11.297.463.524
Phải trả về chuyển nhượng cổ phiếu	-	15.102.000.000
Phải trả, phải nộp khác	56.798.490	56.276.737
	663.927.526.429	1.314.753.399.451

(*) Phản ánh khoản nhận đặt cọc theo hợp đồng môi giới mua chứng khoán giữa Công ty và đối tác mà Công ty là bên môi giới, giá trị đặt cọc sẽ tương đương với 50% giá trị hợp đồng. Trường hợp giao dịch mua bán chứng khoán được thực hiện toàn bộ hoặc một phần hay không được thực hiện, khoản tiền đặt cọc này vẫn được hưởng lãi suất theo hợp đồng tính trên số tiền đặt cọc thực tế.

(**) Phản ánh khoản phải trả nhà đầu tư về khoản tiền Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch môi giới chứng khoán và quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư. Nhà đầu tư được hưởng lãi suất ưu đãi đối với số dư tiền trong tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư mở tại Công ty khi số dư này đạt mức tối thiểu trong một khoảng thời gian nhất định trên cơ sở thỏa thuận giữa nhà đầu tư và Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, số dư phải trả nhà đầu tư được hưởng mức lãi suất ưu đãi là 298.785.555.552 đồng.

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2011	300.000.000.000	1.209.906.300	1.283.241.194	11.702.875.601	314.196.023.095
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	(9.584.982.138)	(9.584.982.138)
Trích lập quỹ	-	648.943.780	711.278.674	(1.860.222.454)	(500.000.000)
Giảm khác	-	-	-	(141.962.432)	(141.962.432)
Số dư tại ngày 01/01/2012	300.000.000.000	1.858.850.080	1.994.519.868	115.708.577	303.969.078.525
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	22.148.633.708	22.148.633.708
Số dư tại ngày 31/12/2012	300.000.000.000	1.858.850.080	1.994.519.868	22.264.342.285	326.117.712.233



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNGSố 4 Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Vốn điều lệ đã góp**

Theo Giấy phép điều chỉnh số 296/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21 tháng 01 năm 2010 điều chỉnh Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 48/UBCK-GPHĐKD ngày 29 tháng 12 năm 2006, vốn điều lệ của Công ty là 300.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, vốn điều lệ của Công ty đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Vốn điều lệ đã góp tại			
	31/12/2012		31/12/2011	
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	225.000.000.000	75,00%	225.000.000.000	75,00%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	33.000.000.000	11,00%	33.000.000.000	11,00%
Doanh nghiệp tư nhân Hà Bảo	30.960.000.000	10,32%	30.960.000.000	10,32%
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	10.340.000.000	3,45%	10.340.000.000	3,45%
Ông Hà Văn Thắm	700.000.000	0,23%	700.000.000	0,23%
	300.000.000.000	100%	300.000.000.000	100%

16. DOANH THU KHÁC

	2012	2011
	VND	VND
Thu phí theo HĐ môi giới mua chứng khoán chưa niêm yết (*)	39.341.683.459	92.989.356.008
Lãi trái phiếu	3.036.708.334	4.088.888.889
Lãi tiền gửi	2.362.868.444	2.362.809.962
Lãi từ HĐ ủy thác đầu tư	-	11.827.777.777
Phí giao dịch ký quỹ	1.624.949.750	30.719.850
Phí chuyển nhượng quyền nhận tiền bán chứng khoán	845.537.356	51.045.075
Doanh thu khác	271.633.389	50.959.655
Tổng cộng	47.483.380.732	111.401.557.216

(*) Phản ánh doanh thu lãi từ (i) các Hợp đồng cung cấp dịch vụ môi giới mua chứng khoán chưa niêm yết cho khách hàng, trong đó Công ty là bên trung gian (xem thêm Thuyết minh số 06) và (ii) các Hợp đồng đặt mua chứng khoán giữa Công ty và đối tác trong đó Công ty là bên mua (xem thêm Thuyết minh số 07).

17. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	2012	2011
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	4.442.027.194	2.074.832.460
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	30.122.121.811	46.753.970.955
Chi phí hoạt động tư vấn	2.074.083.462	1.236.730.626
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	354.511.300	1.500.380.769
Chi phí nhận đặt cọc môi giới chứng khoán (*)	106.217.478.319	106.757.159.319
Chi phí dự phòng	(25.599.931.303)	6.694.566.283
Chi phí khác	9.576.322.243	9.231.746.571
Tổng cộng	127.186.613.026	174.249.386.983

(*) Phản ánh chi phí từ khoản nhận đặt cọc theo hợp đồng môi giới mua chứng khoán giữa Công ty và các đối tác mà Công ty là bên môi giới. Giá trị nhận đặt cọc từ đối tác tương đương với 50% giá trị hợp đồng. Chi phí nhận đặt cọc môi giới chứng khoán được xác định theo lãi suất cố định trên hợp đồng tính trên số tiền và thời gian đặt cọc thực tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2012	2011
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	25.001.043.683	(9.584.982.138)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(659.894.100)	(3.422.795.041)
<i>Có tức nhận được</i>	<i>(659.894.100)</i>	<i>(3.422.795.041)</i>
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	48.300.000	27.967.494
Lỗi mang sang	(12.979.809.685)	
Lợi nhuận tính thuế	11.409.639.898	(12.979.809.685)
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.852.409.975	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.852.409.975	-

19. LÃI/(LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2012	2011
Lợi nhuận/(Lỗ) kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	22.148.633.708	(9.584.982.138)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (đơn vị)	30.000.000	30.000.000
Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	738	(319)

20. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Ngày 15 tháng 3 năm 2010, Công ty đã ký Hợp đồng thuê văn phòng làm việc với Công ty TNHH VNT với giá thuê là 7.160 USD/tháng (giá chưa bao gồm VAT, tỷ giá quy đổi: 17.000 VND/USD). Thời hạn thuê là 10 năm.

Ngày 11 tháng 4 năm 2012, Chi nhánh Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh đã ký bản gia hạn Hợp đồng thuê văn phòng làm việc với Công ty TNHH Dịch vụ Ngôi Nhà Xanh với giá thuê trong suốt thời hạn thuê là 504.000 VND/m²/tháng cho 223,13m² diện tích thực. Thời hạn thuê gia hạn là hai năm, bắt đầu từ ngày 10 tháng 5 năm 2012 đến hết ngày 09 tháng 5 năm 2014.

Tổng chi phí thuê nhà đã ghi nhận cho năm 2012 là 1.641.664.000 đồng.

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị còn lại	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	27.912.518.627	18.884.085.734
Phải thu khách hàng và phải thu khác	938.462.374.798	1.328.351.951.529
Đầu tư tài chính ngắn hạn	8.529.740.142	249.219.813.938
Tài sản dài hạn khác	311.295.108	311.295.108
Tổng cộng	975.215.928.675	1.596.767.146.309
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	664.194.505.911	1.315.472.599.798
Chi phí phải trả	584.959.804	298.929.961
Tổng cộng	664.779.465.715	1.315.771.529.759

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản nhận đặt cọc chịu lãi suất từ các hợp đồng đặt mua trái phiếu đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản đặt cọc từ hợp đồng đặt mua trái phiếu chịu lãi suất cố định.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu của Công ty đều có tài sản đảm bảo.

1250
 NG
 HEM H
 OIT
 N
 7

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.912.518.627	-	27.912.518.627
Phải thu khách hàng và phải thu khác	938.462.374.798	-	938.462.374.798
Đầu tư tài chính ngắn hạn	8.529.740.142	-	8.529.740.142
Tài sản dài hạn khác	311.295.108	-	311.295.108
Tổng cộng	975.215.928.675	-	975.215.928.675
31/12/2012			
Phải trả người bán và phải trả khác	664.194.505.911	-	664.194.505.911
Chi phí phải trả	584.959.804	-	584.959.804
Tổng cộng	664.779.465.715	-	664.779.465.715
Chênh lệch thanh khoản thuần	310.436.462.960	-	310.436.462.960
	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
31/12/2011			
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.884.085.734	-	18.884.085.734
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.328.351.951.529	-	1.328.351.951.529
Đầu tư tài chính ngắn hạn	249.219.813.938	-	249.219.813.938
Tài sản dài hạn khác	311.295.108	-	311.295.108
Tổng cộng	1.596.767.146.309	-	1.596.767.146.309
31/12/2011			
Phải trả người bán và phải trả khác	1.315.472.599.798	-	1.315.472.599.798
Chi phí phải trả	298.929.961	-	298.929.961
Tổng cộng	1.315.771.529.759	-	1.315.771.529.759
Chênh lệch thanh khoản thuần	280.995.616.550	-	280.995.616.550

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Số 4 Láng Hạ, quận Ba Đình

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. BÁO CÁO VỀ GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TRONG NĂM**

CHỈ TIÊU	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012	
	Khối lượng giao dịch	Giá trị giao dịch (VND)
1. Chứng khoán tự doanh	2.598.468	27.482.365.500
Cổ phiếu	2.598.468	27.482.365.500
2. Chứng khoán của người đầu tư	133.303.050	1.746.968.076.900
Cổ phiếu	125.747.030	960.292.882.900
Trái phiếu	7.500.000	786.293.000.000
Chứng chỉ quỹ	56.020	382.194.000
Chứng khoán khác	-	-
Tổng cộng	135.901.518	1.774.450.442.400

23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2012 VND	2011 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương		
- Nhận đặt cọc	494.500.000.000	411.000.000.000
- Doanh thu phí lưu ký	224.662.718	186.576.533
- Doanh thu từ phí môi giới chứng khoán	693.568.851	191.129.798
- Doanh thu tư vấn	44.000.000	104.531.818
- Doanh thu lãi từ hợp đồng tiền gửi không kỳ hạn	1.698.772.858	1.873.542.534
- Nhận cổ tức	180.810.000	397.782.000
- Chi phí lãi phát sinh từ các khoản nhận đặt cọc	38.331.133.781	19.267.736.110
- Chi phí khác	8.693.987	66.750.067



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

	2012	2011
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương		
- Doanh thu tư vấn	55.621.212	150.000.000
- Thu nhập từ cho thuê tài sản	70.417.455	17.753.162
Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương		
- Doanh thu từ phí môi giới chứng khoán	-	46.801.163
- Doanh thu phí lưu ký	45.315.414	18.076.640
- Doanh thu tư vấn	45.454.545	261.831.818
Công ty TNHH VNT		
- Doanh thu từ phí môi giới chứng khoán	-	207.600.000
- Doanh thu tư vấn	-	3.617.232.440
- Doanh thu phí lưu ký	46.942.445	167.496.833
- Lãi trái phiếu	13.422.222.200	4.088.888.889
- Chi phí thuê nhà, điện nước	2.024.346.843	1.502.761.320
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bảo Minh		
- Doanh thu từ phí môi giới chứng khoán	-	258.238.491
- Doanh thu tư vấn	-	3.151.531.415
- Doanh thu phí lưu ký	63.716.940	56.997.348
Công ty Cổ phần Thương mại và Kho vận Thành Đông		
- Doanh thu phí lưu ký	146.400.000	121.199.999
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Tài chính Liên Việt		
- Nhận đặt cọc	683.157.095.000	715.346.150.000
- Doanh thu từ phí môi giới bán chứng khoán	-	258.249.062
- Doanh thu tư vấn	50.106.537.076	365.420.090
- Doanh thu phí lưu ký	53.408.121	46.163.267
- Doanh thu lãi tiền đặt cọc mua chứng khoán	16.371.480.264	41.533.068.616
- Doanh thu từ bán chứng khoán	214.131.278	-
Công ty Cổ phần Bảo Linh		
- Nhận đặt cọc	147.000.000.000	555.902.777.778
- Doanh thu lãi tiền đặt cọc mua chứng khoán	12.906.770.834	7.819.980.557
- Doanh thu tư vấn	13.384.621.531	471.385.680
- Doanh thu phí lưu ký	56.430.834	46.717.329
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà		
- Doanh thu từ phí môi giới bán chứng khoán	301.999.992	232.178.440
- Doanh thu lãi tiền đặt cọc mua chứng khoán	664.999.999	3.676.294.959
- Doanh thu tư vấn	1.335.541.666	596.605.090
- Doanh thu phí lưu ký	103.403.397	47.456.362
- Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	35.360.000
Doanh nghiệp tư nhân Hà Bảo		
- Doanh thu từ phí môi giới bán chứng khoán	-	264.399.400
- Doanh thu tư vấn	-	12.634.684.420
- Doanh thu phí lưu ký	811.821.877	485.234.247



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNGSố 4 Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

	2012	2011
	VND	VND
Ông Hồ Vĩnh Hoàng		
- Nhận đặt cọc	-	108.000.000.000
- Doanh thu từ phí môi giới bán chứng khoán	22.073.488	30.370.164
- Doanh thu tư vấn	7.337.011.108	174.261.505
- Doanh thu lãi tiền đặt cọc mua chứng khoán	3.420.000.000	2.361.200.000
- Doanh thu phí lưu ký	-	484.094
Bà Bùi Thị Cẩm Vân		
- Doanh thu từ phí môi giới bán chứng khoán	46.075.108	23.141.520
- Doanh thu phí lưu ký	4.572.263	10.768.815
- Doanh thu tư vấn	-	2.746.069.380
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	2.799.030.712	965.200.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn tài chính Liên Việt	4.460.726	4.859.796
Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương	3.838.191	3.838.191
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	5.166.667	10.000.000
Công ty TNHH VNT	7.451.356	14.085.167
Công ty Cổ phần Bảo Linh	4.779.661	4.060.142
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bảo Minh	5.396.790	4.650.115
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà	10.960.397	3.507.087
Công ty Cổ phần Thương mại và Kho vận Thành Đông	12.400.000	10.533.333
Doanh nghiệp tư nhân Hà Bảo	68.766.158	46.920.063
Ngân hàng TMCP Đại Dương	-	104.553.312
Bà Bùi Thị Cẩm Vân	306.343	-
Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty Cổ phần Bảo Linh	32.321.400.006	563.722.758.335
Công ty TNHH VNT	-	4.088.888.889
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn tài chính Liên Việt	492.413.233.332	367.136.894.634
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà	23.055.958.333	21.055.416.668
Ông Hồ Vĩnh Hoàng	36.570.011.108	109.425.000.000
Công ty Cổ phần BSC Việt Nam	36.851.604.942	-
Công ty Cổ phần Bán lẻ và Quản lý Bất động sản Đại Dương	43.631.916.667	-
Phải trả người bán		
Công ty TNHH VNT	-	15.300.000
Phải trả khác		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	298.785.555.552	15.146.666.667



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Số 4 Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.



Vũ Hồng Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2013

Vũ Thị Thanh Hằng
Kế toán trưởng

Bùi Thị Yến
Người lập biểu

